TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2019
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. NgU đơn: Anh Trần Đại N, sinh năm 1985. (Xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh C ..

2. Bị đơn: Chị Trần Diễm K, sinh năm 1986. (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ngU đơn anh Trần Đại N trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2006 anh N, chị K tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cải với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị Trần Diễm K.

- Về con chung: Có 02 người tên Trần Bảo D (nam), sinh ngày 19/5/2009, cháu Trần Ngọc Tố U (nữ), sinh ngày 15/3/2017, hiện nay cháu D đang sống chung với anh N, cháu U sống chung với chị K. Khi ly hôn anh N yêu cầu được nuôi cháu D, giao cháu U cho chị K nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị Trần Diễm K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị K không có văn bản nộp cho Tòa án trình bày ý kiến của mình về anh N yêu cầu ly hôn và nuôi con chung và cũng không tham gia phiên họp và hòa giải.

** Tại phiên tòa:*

- Anh N yêu cầu ly hôn với chị K; Về con chung: Anh N yêu cầu được nuôi cháu D, giao cháu U cho chị K nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị Trần Diễm K vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Đại N đối với chị Trần Diễm K; giao cháu Bảo D cho anh N, giao cháu Tố U cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và công nợ: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Diễm K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần 2, nhưng chị K vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Trần Diễm K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2006 anh N và chị K tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An – huyện Ngọc Hiển theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2013 ngày 13 tháng 3 năm 2013; Do đó, hôn nhân giữa anh N và chị K là hợp pháp.

Theo lời trình bày của anh N, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không liên lạc với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, nay anh N yêu cầu ly hôn với chị K.

Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Trần Diễm K nhưng chị vắng mặt và không trình bày ý kiến về vấn đề hôn nhân với anh N, chứng tỏ chị K không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, anh N và chị K đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, hai bên không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn gia đình. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân tới mức trầm trọng không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Đại N đối với chị Trần Diễm K.

[2.2] Về con chung: Có 02 người tên Trần Bảo D (nam), sinh ngày 19/5/2009, cháu Trần Ngọc Tố U (nữ), sinh ngày 15/3/2017, hiện nay cháu D đang sống chung với anh N, cháu U sống chung với chị K. Khi ly hôn anh N yêu cầu được nuôi cháu D, giao cháu U cho chị K nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận định: Cháu Bảo D (nam) - sinh ngày 19/5/2009 đến nay đã được 10 tuổi, cháu D có nguyện vọng sống chung với anh N, đối với cháu U hiện nay đang sống với chị K và vẫn đảm bảo được phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, chị K không có ý kiến yêu cầu nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, giao cháu Bảo D cho anh N, giao cháu Tố U cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trợ hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản và công nợ: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Trần Đại N phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Đại N và chị Trần Diễm K.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bảo D (nam) – sinh ngày 19/5/2009 cho anh Trần Đại N, giao cháu Trần Ngọc Tố U (nữ) – sinh ngày 15/3/2017 cho chị Trần Diễm K trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Trần Đại N phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005799 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, án phí sơ thẩm anh N đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Hoàng Tuấn

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Viên An, huyện Ngọc Hiển;
(GNCKH số 32/2013 ngày 13/3/2013)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.